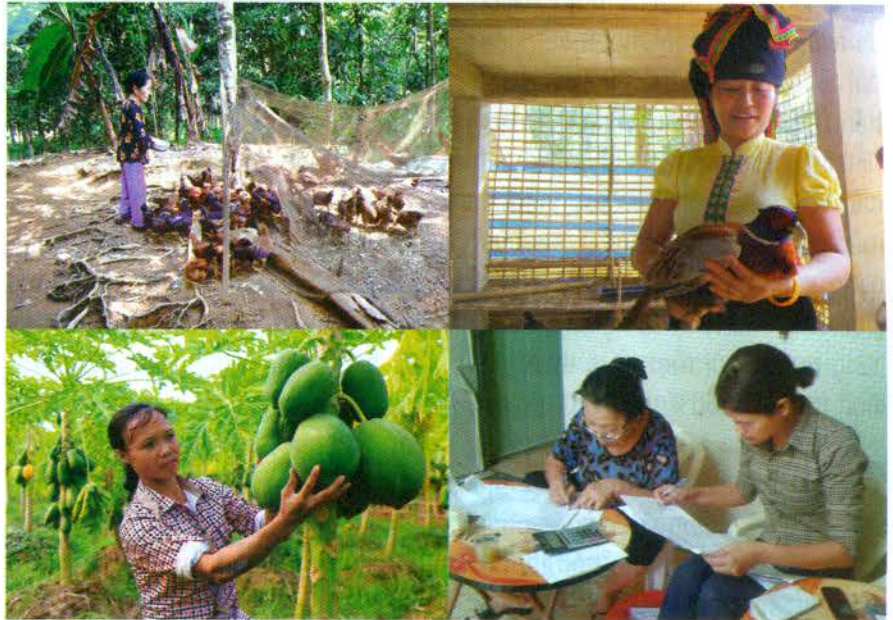


Ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành Thông tư số 33/2015/TT-NHNN quy định các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Tổ chức Tài chính vi mô (TCVM) thay thế cho Thông tư số 07/2009/TT-NHNN ngày 17 tháng 4 năm 2009 quy định các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ. Nội dung của bài viết này trên cơ sở giới thiệu, phân tích những điểm mới trong quy định của Thông tư số 33/2015/TT-NHNN, đồng thời đưa ra những lưu ý cho các Tổ chức TCVM trong việc áp dụng và tuân thủ những quy định an toàn trong hoạt động, đảm bảo sự phát triển ổn định, lành mạnh trong thời gian tới.

QUY ĐỊNH MỚI VỀ TỶ LỆ ĐẢM BẢO AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

PGS., TS. Lê Văn Luyện*
TS. Nguyễn Đức Hải*



Thời gian tới đây, sẽ có thêm nhiều Tổ chức TCVM mới ra đời, việc ban hành Thông tư mới về quy định các tỷ lệ an toàn sẽ là cơ sở cho các Tổ chức TCVM hoạt động lành mạnh, an toàn

1. Giới thiệu

Theo Luật các Tổ chức tín dụng (TCTD) năm 2010, Tổ chức TCVM là loại hình tổ chức tín dụng cung cấp một số dịch vụ ngân hàng cho các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ¹. Mô hình tổ chức quản lý của tổ chức TCVM được thành lập dưới dạng công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một hoặc nhiều thành viên².

Tổ chức TCVM muốn thành lập theo mô hình công ty TNHH một thành viên, sẽ phải do một tổ chức chính trị - xã hội của Việt Nam đứng tên xin thành lập. Nếu muốn thành lập dưới dạng công ty TNHH nhiều

thành viên, tức là tổ chức TCVM có từ 2 - 5 thành viên, trong các thành viên phải có ít nhất một thành viên là một trong những loại hình tổ chức sau: (i) tổ chức chính trị - xã hội; (ii) tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; (iii) quý từ thiện, xã hội; (iv) tổ chức phi chính phủ Việt Nam. Cá nhân trong và ngoài nước có thể tham gia góp vốn thành lập tổ chức TCVM. Nhưng tỷ lệ góp vốn của cá nhân, tổ chức nước ngoài với mức tối thiểu 25% và tối đa không được quá 50% tổng số vốn điều lệ

của tổ chức TCVM dưới dạng công ty TNHH nhiều thành viên.

Tổ chức TCVM được phép kinh doanh các sản phẩm dịch vụ:

- **Huy động vốn:** Tổ chức TCVM được phép nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam từ dân cư, tổ chức kinh tế; tiết kiệm bắt buộc theo quy định của tổ chức TCVM. Tiết kiệm bắt buộc là những khoản tiết kiệm đóng vai trò thay thế cho tài sản thế chấp của khách hàng nghèo và được tính theo quy định riêng của từng tổ chức, khoản tiết kiệm này còn góp phần

* Học viện Ngân hàng

gây dựng tài sản cho người nghèo. Tổ chức TCVM được phép vay vốn từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm đáp ứng cho hoạt động tín dụng, khả năng chi trả...

- **Hoạt động tín dụng:** Tổ chức TCVM được cấp tín dụng cho khách hàng nghèo (tín dụng vi mô) và được đảm bảo bằng các khoản tiết kiệm bắt buộc, bảo lãnh nhóm khách hàng tiết kiệm và vay vốn. Theo quy định³, tín dụng vi mô là những khoản cho khách hàng nghèo vay với hạn mức dưới 30 triệu đồng. Trong hoạt động cấp tín dụng, tổ chức TCVM phải đảm bảo tỷ lệ dư nợ cho khách hàng nghèo với một tỷ lệ theo quy định (tối thiểu 65% tổng dư nợ).

- Tổ chức TCVM không được phép mở tài khoản thanh toán cho khách hàng, nhưng được phép cung ứng một số dịch vụ thu hộ, chi hộ, chuyển tiền cho khách hàng. Ngoài ra, tổ chức TCVM được ủy thác, nhận ủy thác cho vay vốn và làm đại lý cung ứng dịch vụ bảo hiểm.

2. Quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn

Nghị định 28/2005/NĐ-CP ngày 9/3/2005 của Chính phủ về tổ chức hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ⁴ là khuôn khổ pháp lý đầu tiên quy định về hoạt động

của các Tổ chức TCVM. Đến ngày 15/11/2007, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định 165/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều quy định trong Nghị định 28/2005/NĐ-CP. Nhằm hướng dẫn cụ thể nội dung Nghị định 28/2005/NĐ-CP và Nghị định 165/2007/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ, ngày 17/4/2009, NHNN đã ban hành Thông tư 07/2009/TT-NHNN (Thông tư 07) quy định các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức TCVM. Sau khi có Luật TCTD mới, ngày 31/12/2015, NHNN đã ban hành Thông tư 33/2015/TT-NHNN quy định các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức TCVM phù hợp với tinh thần của Luật.

Phạm vi điều chỉnh của Thông tư 33/2015/TT-NHNN (Thông tư 33) bao gồm quy định các tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ khả năng chi trả trong hoạt động của các Tổ chức TCVM. Trong trường hợp cần thiết, dựa trên kết quả về thanh tra, giám sát, NHNN có thể yêu cầu Tổ chức TCVM phải thực hiện tỷ lệ đảm bảo an toàn chặt chẽ hơn so với các mức được quy định trong Thông tư trên.

Về quy định tỷ lệ an toàn vốn tối

thiểu, theo Thông tư 33, Tổ chức TCVM phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là 10%, tỷ lệ này được tính bằng tỷ lệ giữa vốn tự có/Tổng tài sản “Có” rủi ro (%).

Vốn tự có của Tổ chức TCVM bao gồm: Vốn cấp 1 cộng với vốn cấp 2 nhưng loại trừ phần lỗ lũy kế và phần chênh lệch giảm do đánh giá lại giá trị tài sản cố định. Các khoản được tính trong vốn cấp 1 gồm: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ; Lợi nhuận không chia; Vốn tài trợ không hoàn lại. Vốn cấp 2 gồm: Quỹ dự phòng tài chính; Dự phòng chung; Các khoản nợ; Phần chênh lệch tăng khi đánh giá lại tài sản cố định.

Giá trị tài sản “Có” rủi ro của Tổ chức TCVM được xác định dựa trên phân loại mức rủi ro sau: xem bảng.

Đối với quy định về tỷ lệ khả năng chi trả, theo Thông tư 33, Tổ chức TCVM phải duy trì tỷ lệ khả năng chi trả tối thiểu bằng 20%. Tỷ lệ khả năng chi trả được tính theo tỷ lệ giữa số lượng tiền mặt, tiền gửi tại NHNN, ngân hàng thương mại (nếu có) và tổng số dư tiền gửi tự nguyện.

Nếu một Tổ chức TCVM có lượng tiền mặt là 2,2 đơn vị; lượng tiền gửi tại NHNN là 0,11 đơn vị; số tiền gửi tại ngân hàng thương mại là 6,6 đơn vị; số dư tiền gửi tự nguyện của dân

BẢNG PHÂN LOẠI MỨC RỦI RO CỦA TÀI SẢN “CÓ”

KHOẢN MỤC	HỆ SỐ RỦI RO
1- Nhóm tài sản “Có” có hệ số rủi ro 0%	
a- Tiền mặt	0%
b- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	0%
c- Dư nợ cho vay có bảo đảm toàn bộ bằng tiền gửi (tiền gửi tự nguyện, tiết kiệm bắt buộc) tại chính tổ chức tài chính vi mô	0%
d- Dư nợ cho vay được bảo đảm toàn bộ bằng giấy tờ có giá do Chính phủ phát hành	0%
đ- Dư nợ ủy thác cho vay, dư nợ cho vay bằng vốn tài trợ theo quy định về ủy thác và nhận ủy thác của tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	0%
2- Nhóm tài sản “Có” có hệ số rủi ro 20%	
a- Tiền gửi tại ngân hàng thương mại	20%
b- Dư nợ cho vay được bảo đảm toàn bộ bằng tiền gửi tại tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam	20%
c- Dư nợ cho vay được bảo đảm toàn bộ bằng giấy tờ có giá do tổ chức tài chính nhà nước, tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam phát hành	20%
3- Nhóm tài sản “Có” có hệ số rủi ro 50%	
a- Dư nợ cho vay được bảo đảm bằng nhà ở, quyền sử dụng đất, nhà ở gắn với quyền sử dụng đất của bên vay tại tổ chức tài chính vi mô	50%
b- Dư nợ cho vay được bảo lãnh của nhóm khách hàng tiết kiệm và vay vốn tại chính tổ chức tài chính vi mô	50%
4- Nhóm tài sản “Có” có hệ số rủi ro 100%	
a- Dư nợ cho vay đối với khách hàng, không bao gồm dư nợ cho vay quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 6 Thông tư này	100%
b- Toàn bộ tài sản “Có” khác, không bao gồm các tài sản “Có” quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 6 Thông tư này	100%

cư, tổ chức kinh tế là 33 đơn vị. Theo quy định, cách xác định tỷ lệ khả năng chi trả của Thông tư 33, tỷ lệ khả năng chi trả của Tổ chức TCVM này là: $(2,2+0,11+6,6)/33=27\%$ và đáp ứng được quy định của NHNN.

Một số điểm mới so với Thông tư 07/2009/TT-NHNN

Thứ nhất, về cách xác định các khoản hình thành vốn cấp 2 của Tổ chức TCVM, đối với khoản mục Quỹ dự phòng tài chính, theo Thông tư 07 được tính trong phần Vốn cấp 1 nhưng trong Thông tư 33 khoản mục này được tính trong phần vốn cấp 2. Trong khi giới hạn để xác định vốn cấp 2 được tính vào vốn tự có tối đa bằng 100% giá trị vốn cấp 1, nên khi vốn cấp 1 giảm làm cho tổng giá trị của vốn cấp 2 cũng bị giảm. Điều này đòi hỏi Tổ chức TCVM muốn tăng vốn tự có phải tăng được vốn cấp 1 nhằm đáp ứng được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định hiện hành. Một điểm rất chặt chẽ nữa trong Thông tư 33 là quy định đối với các khoản nợ của Tổ chức TCVM không được trả nợ trước thời gian đáo hạn trong khi theo Thông tư 07, nếu NHNN đồng ý bằng văn bản về chủ trương trả nợ, Tổ chức TCVM vẫn có thể trả nợ trước hạn.

Thứ hai, về phân loại mức rủi ro của tài sản “Có” theo Thông tư 33, nhóm tài sản “Có” có hệ số rủi ro 20% không bao gồm khoản dư nợ cho vay đối với các Tổ chức TCVM khác. Điều này cũng phù hợp với thực tế hiện nay bởi do Tổ chức TCVM rất hạn hẹp về nguồn vốn, giá trị tổng tài sản còn khiêm tốn. Bên cạnh đó, các tổ chức này vẫn chưa thể huy động nguồn tiền nhàn rỗi trong dân, như các tổ chức cung cấp TCVM khác, mà chủ yếu huy

động từ chính khách hàng nghèo.

Đối với nhóm tài sản “Có” có hệ số rủi ro 50% trong Thông tư mới có tính cả những khoản dư nợ cho vay dưới dạng bảo lãnh nhóm bởi vì hoạt động tín dụng của Tổ chức TCVM đa phần triển khai thông qua tổ, nhóm. Việc bổ sung phân loại rủi ro cho những khoản vay qua tổ, nhóm với hệ số rủi ro 50% đòi hỏi các Tổ chức TCVM cần phải nâng cao năng lực quản lý và đảm bảo tính an toàn trong hoạt động của tổ chức mình.

Thứ ba, về quy định nội bộ về quản lý thanh khoản, Tổ chức TCVM phải ban hành quy định nội bộ về quản lý thanh khoản. Ngoài ra, Thông tư mới còn yêu cầu Tổ chức TCVM thường xuyên phải tiến hành tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung định kỳ ít nhất một năm một lần quy định nội bộ về quản lý thanh khoản nhằm quản lý hiệu quả, kịp thời khả năng thanh khoản của tổ chức.

Thứ tư, về tỷ lệ khả năng chi trả, Tổ chức TCVM phải duy trì tỷ lệ khả năng chi trả tối thiểu bằng 20%. Tỷ lệ khả năng chi trả được tính theo tỷ lệ giữa số lượng tiền mặt, tiền gửi tại NHNN, ngân hàng thương mại (nếu có) và tổng số dư tiền gửi tự nguyện, đây là một điểm rất phù hợp với thực tế hoạt động của Tổ chức TCVM. Nếu theo Thông tư 07, phần mẫu số trong công thức tính tỷ lệ khả năng chi trả bao gồm cả phần tiết kiệm tự nguyện và bắt buộc. Việc loại bỏ tiết kiệm bắt buộc ra khỏi công thức trên vừa không làm ảnh hưởng sự an toàn trong hoạt động của Tổ chức TCVM đồng thời giúp cho các tổ chức này duy trì tỷ lệ tiền mặt thấp hơn, tạo điều kiện tăng nguồn vốn cho vay, giảm bớt chi phí hoạt động và chi phí tài chính.

Kết luận

Mặc dầu hiện nay trên thị trường mới chỉ có 03 Tổ chức TCVM là: Tổ chức TCVM Thanh Hóa, Tỉnh Thương, M7-MFI chịu sự điều chỉnh của Thông tư 33 về quy định các tỷ lệ an toàn. Nhưng trong thời gian tới đây, sẽ có thêm nhiều Tổ chức TCVM mới ra đời, việc ban hành Thông tư mới về quy định các tỷ lệ an toàn sẽ là cơ sở cho các Tổ chức TCVM hoạt động lành mạnh, an toàn. Định hướng cụ thể cho các Tổ chức TCVM tuân thủ, đảm bảo tính an toàn trong hoạt động của tổ chức và an toàn cho hệ thống TCVM quốc gia. Quy định mới này cũng phù hợp tình hình thực tế hơn với loại hình tổ chức cung cấp các khoản tín dụng có quy mô nhỏ, tạo điều kiện cho Tổ chức TCVM giảm chi phí hoạt động, mở rộng, không ngừng phát triển đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu của người nghèo, đối tượng thu nhập thấp trong xã hội. ■

¹Khoản 5, Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng 2010.

²Nghị định 28/2005/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

³Thông tư 02/2008/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện Nghị định 28/2005/NĐ-CP và Nghị định 165/2007/NĐ-CP về tổ chức hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

⁴Luật TCTD bắt đầu đổi tên thành Tổ chức Tài chính vi mô.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Luật các Tổ chức tín dụng 2010.
2. Nghị định 28/2005/NĐ-CP ngày 9/3/2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.
3. Nghị định 165/2007/NĐ-CP ngày 15/11/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều quy định trong Nghị định 28/2005/NĐ-CP.
4. Thông tư 02/2008/TT-NHNN ngày 2/4/2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện Nghị định 28/2005/NĐ-CP và Nghị định 165/2007/NĐ-CP về tổ chức hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.
5. Thông tư 07/2009/TT-NHNN17/4/2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.
6. Thông tư 33/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.